

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 209/2026/HSST

Ngày: 08/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Ngọc Bích

Ông Lê Ngọc Thắng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thị Phương Anh - Thư ký Tòa
án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên
tòa: Bà Trần Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo: **NGUYỄN VĂN B**, sinh ngày 13/03/1969 tại Hà Nội; Số CCCD: 001069009673; Nơi cư trú: Đ, Thôn H, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội (nay là xã M, thành phố Hà Nội); Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH T2; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái: không; Con ông: Nguyễn Xuân T; Con bà: Nguyễn Thị T1; Vợ: Nguyễn Thị Hà M; Có 02 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2000); Tiền án: không; Tiền sự: không. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1996 (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Hà M, sinh năm 1977 (có mặt)

- Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 2000 (có mặt)

Đều cùng địa chỉ: Đ, Thôn H, xã M, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 30 phút ngày 16/12/2024, Tổ công tác của Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu (C03) - Bộ C7 phối hợp với Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế và buôn lậu (PC03) - Công an thành phố H phát hiện Công ty TNHH T2 đang thực hiện hành vi khai thác tài nguyên nước dưới đất không được cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp phép. Căn cứ kết quả xác minh ban đầu xác định vụ việc có dấu hiệu của tội phạm hình sự, Cục Cảnh sát Điều tra tội phạm về môi trường đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan CSĐT - Công an T để giải quyết theo thẩm quyền.

Kết quả điều tra xác định: Công ty TNHH T2 (gọi tắt là Công ty T2) không được Sở N3 cấp phép về việc khai thác nước dưới đất nhưng từ năm 2009 Nguyễn Văn B đã thuê đơn vị dịch vụ đến khoan giếng, lắp đặt hệ thống máy bơm, công tơ điện để khai thác tài nguyên nước dưới đất bán cho các hộ dân trên địa bàn huyện M, bệnh viện đa khoa huyện M và sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình bán ra thị trường với 02 thương hiệu AQUAMAX và L1. Từ năm 2009 đến ngày 16/12/2024, Công ty T2 do Nguyễn Văn B quản lý đã khai thác 72.058,5m³ nước, thu lợi bất chính 1.378.529.924 đồng. Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn B như sau:

Trong năm 2007, Nguyễn Văn B đã khoan 01 giếng có độ sâu khoảng 40m nằm trong khuôn viên nhà B với mục đích sử dụng nước sinh hoạt cho gia đình. Từ năm 2009, B sử dụng nguồn nước khai thác từ giếng này để sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai, đóng bình. Đến tháng 8/2023, B dừng khai thác giếng nước này vì đường ống bé, công suất thấp.

Năm 2012, B khoan thêm 01 giếng có độ sâu khoảng 40m, sử dụng bơm tøm, công suất 1,5 kw/giờ, mỗi giờ bơm được từ 03m³-04m³. Đến tháng 8/2023, B tiếp tục khoan thêm 02 giếng có độ sâu 80m-90m, sử dụng bơm tøm, công suất 05kw/giờ, mỗi giờ bơm được 10m³. Cả 03 giếng này đều khoan trong khuôn viên xưởng sản xuất nước đóng chai của công ty T2 thuộc xóm Đ, thôn H, xã M, thành phố Hà Nội. Hiện cả 03 giếng đều đang hoạt động.

Quy trình khai thác nước sinh hoạt như sau: Nước từ giếng khoan được bơm vào hệ thống lọc thô (có 04 cột lọc thô không nhãn hiệu, công suất 3m³/giờ); sau đó sử dụng máy bơm đẩy có công suất 5kw để đẩy đi theo 02 đường ống $\phi 75$ (mm); 01 đường ống đưa âm dưới lòng đất đi xuyên qua khu vực ruộng dài khoảng 1.300m và cấp nước sinh hoạt cho Bệnh viện Đ; 01 đường ống đi

âm dưới lòng đất cấp cho các hộ dân tại thôn H và tổ dân phố V thuộc xã M, thành phố Hà Nội.

Quy trình sản xuất sản phẩm nước đóng chai, đóng bình: Nước từ giếng khoan được bơm đưa vào hệ thống lọc thô (03 cột lọc thô nhãn hiệu RONSENTECH, công suất 3m³/giờ), qua bồn chứa trung chuyển thể tích 10 m³/bồn và qua hệ thống lọc tinh (máy RO hiệu UPDOWN với công suất 3m³/giờ); sau đó đưa qua hệ thống xử lý thanh trùng gồm: bồn chứa inox thể tích 5m³/bồn, hệ thống xử lý OZONE, đèn UV, cuối cùng đưa vào dây chuyền tự động đóng chai, đóng bình. Công ty T2 cung cấp ra thị trường 11 sản phẩm nước đóng chai, bán tét nước loại 1.000 lít/tét.

Về chất lượng sản phẩm, Công ty T2 đã đăng ký và được Sở N3 cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 1209/2023/ATTP-CNĐK ngày 15/9/2023. Công ty T2 đã đăng ký và được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận bảo hộ thương hiệu đối với thương hiệu nước đóng chai AQUAMAX và L1.

Căn cứ sổ theo dõi khách hàng từ năm 2009 đến năm 2022, bảng kê công tác bán hàng từ tháng 11/2021 đến tháng 12/2024 và sổ theo dõi doanh thu xác định: Tổng khối lượng nước Công ty T2 đã bán là 9.711m³ nước đóng chai, nước đóng bình với tổng doanh thu là 4.920.397.600 đồng. Ngoài ra, từ ngày 05/10/2022 đến ngày 02/01/2025, Công ty T2 còn bán 54.653m³ nước sinh hoạt cho Bệnh viện đa khoa huyện M với số tiền là 1.340.882.501 đồng; bán nước sinh hoạt cho 27 hộ dân với số tiền là 47.222.000 đồng.

Căn cứ báo cáo tài chính hàng năm của Công ty T2 gửi cơ quan thuế: Từ năm 2009 đến năm 2024, tổng doanh thu của Công ty T2 là 26.338.108.525 đồng, trong đó: cho thuê nhà xưởng là 6.564.600.000 đồng; gia công may mặc là 4.591.016.207 đồng; hoạt động vận tải là 595.780.000 đồng và kinh doanh nước là 14.586.712.317 đồng.

Về chi phí phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh nước, đến nay Công ty T2 còn lưu giữ hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện tổng chi phí là 13.208.182.393 đồng, trong đó:

- (1) Tổng số thuế tài nguyên, môi trường đã nộp từ năm 2009 đến năm 2024 là 48.029.242 đồng;
- (2) Chi phí tiền điện nộp cho Công ty Đ1 từ năm 2010 đến năm 2024 là 944.878.454 đồng;
- (3) Chi phí nhân công từ năm 2010 đến năm 2024 là 2.093.600.000 đồng;
- (4) Chi phí mua bồn chứa nước từ năm 2023 là 95.525.450 đồng;

(5) Chi phí mua ống nhựa và vật tư lắp đặt đường ống dẫn nước từ năm 2022 là 521.189.852 đồng;

(6) Chi phí mua hệ thống dây chuyền sản xuất nước tinh khiết của Công ty TNHH S2 (ở số D ngõ B đường L, phường H, TP Hà Nội) là 126.145.300 đồng;

(6) Chi phí mua máy của cửa hàng thiết bị Nguyễn Văn G (địa chỉ: thôn N, phường C, TP H) gồm: dây chuyền chiết chai, hệ thống lọc RO, hệ thống xử lý nước, hệ thống đóng bình, máy đóng chai, máy nhỏ nắp rửa bình to, máy rút màng co, máy dán nhãn, máy in phun, tổng số tiền là 1.333.000.000 đồng;

(7) Chi phí mua vỏ bình, màng co của Công ty CP S3 (địa chỉ: số C phố H, phường Ô, TP Hà Nội) là 470.834.687 đồng;

(8) Chi phí mua vỏ bình của Công ty TNHH S4 (địa chỉ số C phố N, phường Đ, TP Hà Nội) là 4.223.020.841 đồng;

(9) Chi phí mua vỏ bình, màng co của một số đơn vị khác là 615.995.865 đồng;

(10) Chi phí mua nắp kim, nắp yếm, vòi, màng co PVC của Công ty TNHH S5 (địa chỉ số A hẻm H, ngách A ngõ A đường G, phường H, TP Hà Nội) là 41.823.432 đồng;

(11) Chi phí mua xe 07 ô tô tải (BKS 29H-213.03; 29H-217.33; 29D-323.09; 30L-7210; 30F-4395; 30M-2134 và 01 xe nhãn hiệu Vinaxuki không nhớ BKS) để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh nước là 1.719.900.000 đồng;

(12) Chi phí mua thùng cát tông đựng chai nước của Công ty TNHH G1 (địa chỉ số 187 M, phường T, TP Hà Nội) là 130.835.100 đồng;

(13) Chi phí xăng dầu là 804.800.702 đồng;

(14) Chi phí dịch vụ viễn thông là 38.603.468 đồng;

Căn cứ Thông tư số 65/2022/TT-BTC ngày 02/11/2023 của Bộ T3 quy định chi tiết tại khoản 2, Điều 91 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, xác định số tiền Công ty T2 hưởng lợi bất chính từ hoạt động khai thác nước trái phép là 1.378.529.924 đồng (14.586.712.317 đồng - 13.208.182.393 đồng).

* Kết quả giám định số từ số 05 đến số 13 ngày 03/4/2025 Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia về chất lượng nước đóng chai của Công ty T2 chưa bán ra thị trường kết luận: các chỉ số Stibi, A, B1, B2, C, C1, C2, C3, C4, Đ, C5, F, C6, Thủy ngân, M1, N, N1, N2, S, Coliform tổng số, E.coli, S1 faecal, P aeruginosa, Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử Sulfit đều phù hợp với quy

định của nước uống đóng chai tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên nước uống đóng chai QCVN 6-1:2010/BYT, có 04 mẫu có chỉ số là hàm lượng pH từ 5,87mg/L đến 5,91mg/L không phù hợp (định mức 6,5 - 8,5 mg/L), vi phạm Điều 22 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm. Xác minh tại Sở N3 (nay là Sở N3) xác định: Công ty TNHH T2 chưa được cấp phép hoạt động khai thác nước (dưới đất).

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn B khai nhận: Bắc trực tiếp quản lý, điều hành Công ty T2, đã khai thác nước (dưới đất) khi chưa được Sở Nông nghiệp và môi trường cấp phép. Quá trình khai thác, B có liên hệ xin cấp phép nhưng do thủ tục phức tạp nên B chưa xin được. Từ năm 2009 đến tháng 12/2024, căn cứ sổ sách theo dõi, B đã khai thác khoảng 72.000 m³ nước, thu lợi chính khoảng 1.300.000.000 đồng. Bắc nhận thức việc khai thác tài nguyên nước trái phép để thu lợi bất chính là vi phạm pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thị Hà M (vợ Nguyễn Văn B), tài liệu điều tra xác định: B là người thành lập và điều hành công ty T2, chị M chỉ được Bắc giao quản lý hoạt động sản xuất hàng ngày; ghi chép, theo dõi, tổng hợp số liệu bán các loại nước uống đóng chai, đóng bình; trả lương cho nhân viên công ty... nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị M.

Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Nguyễn Minh H (là con của Nguyễn Văn B) chỉ đứng tên cổ phần Công ty T2, không tham gia vào hoạt động khai thác nước và quản lý công ty nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm đối với chị L và anh H.

Về chất lượng nước đóng chai nhãn hiệu Luxury và Aquamax của Công ty T2 đã giám định có 04/05 chỉ số phù hợp với nhãn hàng hóa, có 01/05 chỉ số là hàm lượng pH từ 5,87mg/L đến 5,91mg/L không phù hợp với nhãn hàng hóa (từ 6,5 đến 8,5mg/L). Tuy nhiên, chỉ số này vẫn đạt trên 90% so với tiêu chuẩn chất lượng ghi trên nhãn hàng hóa nên không đủ căn cứ để xử lý về tội Sản xuất, buôn bán hàng giả, theo quy định tại Điều 192 Bộ luật Hình sự.

Bản cáo trạng số 198/CT-VKSHN-P3 ngày 07/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng đối với Nguyễn Văn B và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 227; điểm b, x, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 điều 51; điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn B từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 đến 60 tháng về tội Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên. Tịch thu sung công 02 máy bơm nước đã thu giữ của bị cáo. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật và có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận về hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố, phù hợp vật chứng đã thu giữ được và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Công ty TNHH T2 do Nguyễn Văn B làm Giám đốc, Đại diện theo pháp luật không được cơ quan chức năng cấp phép được hoạt động khai thác tài nguyên (nước) dưới đất. Từ cuối năm 2009, B tự ý thuê đơn vị dịch vụ đến khoan giếng, chủ động lắp đặt hệ thống máy bơm, công tơ điện để khai thác nước, tự vận hành hệ thống, hoạt động khai thác tài nguyên nước trái phép và sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh nước đóng chai, đóng bình và cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân trên địa bàn huyện M và bệnh viện đa khoa huyện M. Từ năm 2009 đến ngày 16/12/2024, Nguyễn Văn B đã khai thác trái phép 72.058,5m³ nước, thu lợi bất chính 1.378.529.924 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về tài nguyên nước, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với tài nguyên nước – nguồn tài nguyên đặc biệt quan trọng, thiết yếu đối với đời sống con người và phát triển kinh tế - xã hội. Việc khai thác nước trái phép, vượt quy định còn có nguy cơ làm suy giảm mực nước ngầm, gây sụt lún đất, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và quyền lợi hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác. Bị cáo khai thác nguồn nước 72.058,5m³, thu lợi bất chính số tiền 1.378.529.924 đồng, theo kết luận giám định có 04/05 chỉ số phù hợp với nhãn hàng hóa, có 01/05 chỉ số là hàm lượng pH từ 5,87mg/L đến 5,91mg/L không phù hợp với nhãn hàng hóa (từ 6,5 đến 8,5mg/L), đạt chỉ số trên 90% so với tiêu chuẩn chất lượng ghi trên nhãn hàng hóa, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng có đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, đã tự nguyện bồi thường phần lớn số tiền thu lợi bất chính, bố bị cáo là liệt sĩ; bị cáo có nhiều thành tích, được tặng nhiều bằng khen, giấy chứng nhận trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và công tác đoàn, phong trào thanh niên là tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s, x khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Về dân sự: Đối với số tiền thu lợi bất chính bị cáo chưa nộp hết phải truy thu.

[5] Về vật chứng: Đối với 02 máy bơm đã thu giữ được của bị cáo liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51; khoản 2 điều 51; điều 47; điều 65 Bộ luật Hình sự. Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Khoản 1 điều 23 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án về tội Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên.

Giao bị cáo về UBND xã M, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Tịch thu sung công số tiền thu lời bất chính 1.378.529.924 đồng. Bị cáo đã nộp 200.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003772 ngày 26/03/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội và 775.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004553 ngày 07/4/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Bị cáo còn phải nộp 403.529.924 đồng.

3. Về vật chứng: Tịch thu sung công: 01 (một) máy bơm nước nhãn hiệu Pentax, đã qua sử dụng; 02 (hai) máy bơm nước nhãn hiệu IDEAL, đã qua sử dụng.

Số vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/01/2026.

4. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, người có QLVNVLQ;
- Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ, VP.

Đinh Thị Thu Hương